

Bản án số: 20/2021/DS-ST

Ngày: 01/02/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phan Thị Lan

2/ Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên – Thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Tánh -
Kiểm sát viên.

Trong ngày 01/02/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 127/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2020/QĐST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín

Trụ sở: Lầu 8 số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Bích Thanh Trà, sinh năm 1980. (Văn bản ủy quyền số 681/2020/UQ-TTT ngày 10/7/2020) (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 365/36/56 Hậu G, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, phía nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/6/2008 ông Nguyễn Minh T có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Visa số 472074-9566 (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Áp dụng lãi suất theo từng thời kỳ, cụ thể:

- 640/TB-TTT ngày 26/4/2010: 1,8%/tháng

- 1330/TB-TTT ngày 15/12/2010: 1,975%/tháng

- 66/TB-TTT ngày 14/4/2011: 2,05%/tháng
- 113/TB-TTT ngày 04/7/2011: 2,15%/tháng

Căn cứ thu nhập của ông Tuấn, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Tuấn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 14.068.870 đồng

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ ông Tuấn đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 12.000.000 đồng bao gồm các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt kỳ trước, các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc và nhắc nhở nhưng ông Tuấn vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Tuấn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 16/11/2012 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 10.699.485 đồng sang nợ quá hạn, lãi suất quá hạn bằng lãi suất trong hạn x 150% ($2,15\% \times 150\% = 3,225\%$ /tháng)

Tính đến ngày 01/02/2021 ông Tuấn còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền là: 45.358.141 đồng, trong đó nợ gốc: 10.699.485 đồng, lãi quá hạn là 34.658.656 đồng.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh T phải thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền còn nợ trên và phải tiếp tục chịu khoản lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết tại Tòa án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ, ông cũng không có văn bản ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Bị đơn - ông Nguyễn Minh T vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng theo quy định pháp luật. Qua kiểm sát vụ án tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]-Thẩm quyền loại việc:

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín khởi kiện ông Nguyễn Minh T yêu cầu thanh toán tiền vay. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc tranh chấp dân sự: “Hợp đồng dân sự vay tài sản”.

[2]-Thẩm quyền lãnh thổ:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín có đơn khởi kiện ông Nguyễn Minh T, ông Tuấn có hộ khẩu thường trú tại 365/36/56 Hậu G, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6.

[3]-Thời hiệu khởi kiện vụ án:

Căn cứ vào thời điểm ông Nguyễn Minh T ngừng thanh toán các khoản theo thỏa thuận cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín bắt đầu vào ngày 16/11/2012. Nhưng trong quá trình giải quyết ông Nguyễn Minh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết tại Tòa án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ, ông cũng không có văn bản ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện cũng như về thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó căn cứ vào Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung:

[1]- Ngày 02/6/2008 ông Nguyễn Minh T có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Visa số 472074-9566 (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Áp dụng lãi suất theo từng thời kỳ, cụ thể:

- 640/TB-TTT ngày 26/4/2010: 1,8%/tháng
- 1330/TB-TTT ngày 15/12/2010: 1,975%/tháng
- 66/TB-TTT ngày 14/4/2011: 2,05%/tháng
- 113/TB-TTT ngày 04/7/2011: 2,15%/tháng

Căn cứ thu nhập của ông Tuấn, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Tuấn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 14.068.870 đồng

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ ông Tuấn đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 12.000.000 đồng bao gồm các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt kỳ trước, các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc và nhắc nhở nhưng ông Tuấn vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Tuấn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 16/11/2012 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 10.699.485 đồng sang nợ quá hạn, lãi suất quá hạn bằng lãi suất trong hạn x 150% ($2,15\% \times 150\% = 3,225\%$ /tháng). Những sự kiện này, phía bị đơn không phản đối và không chứng minh nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh và không phản đối này. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao dịch giữa các bên là có thật và hợp pháp. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín yêu cầu ông Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm thanh toán các khoản còn nợ tạm tính đến ngày 01/02/2021 với tổng số tiền là: 45.358.141 đồng, trong đó nợ gốc: 10.699.485 đồng, lãi quá hạn là 34.658.656 đồng, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[2]- Căn cứ án lệ 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 có nội dung: “Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân

hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này...". Do đó yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Minh T tiếp tục chịu lãi phát sinh sau khi xét xử là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Minh T phải chịu 2.267.907 đồng án phí dân sự sơ thẩm .
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 1.043.950 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 429, 688 Bộ luật dân sự 2015;
- Áp dụng Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Áp dụng Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014;
- Áp dụng Điều 48 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Án lệ 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Buộc ông Nguyễn Minh T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền 45.358.141 (bốn mươi lăm triệu ba trăm năm mươi tám nghìn một trăm bốn mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 10.699.485 đồng, lãi quá hạn là 34.658.656 đồng.

Thời hạn thanh toán: Trả ngay một lần khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Minh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Minh T phải chịu 2.267.907 đồng án phí dân sự sơ thẩm
- Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.043.950 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010631 ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 6.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 (2);
- Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6 (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu VP (3), HSVA (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thu